

Về việc ban hành chương trình đào tạo hệ chuẩn
ngành Tài chính – Ngân hàng, trình độ đại học

GIÁM ĐỌC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 1095/QĐ-BKHĐT ngày 18/07/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 971/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành quy định xây dựng chương trình đào tạo đại học tại Học viện;

Căn cứ Quyết định số 344/QĐ-HVCSPT ngày 12/05/2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc thành lập Hội đồng ra soát, cấp nhật và điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển năm 2021;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trường phòng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo hệ chuẩn ngành Tài chính – Ngân hàng, trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy áp dụng từ Khóa 12 tuyển sinh năm 2021 của Học viện Chính sách và Phát triển. (có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường phòng Quản lý Đào tạo, Trường các Khoa/Viện/Bộ môn, Người đứng đầu các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỌC



PGS, TS. Trần Trọng Nguyễn

Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng chuyên môn, thực hành nghiệp vụ, kỹ năng phân tích, nghiên cứu, ứng dụng ngoại ngữ, tin học, các kỹ năng mềm khác... để trở thành một cán bộ tài chính, ngân hàng chuyên nghiệp, làm việc một cách có hiệu quả trong môi trường kinh doanh hội nhập quốc tế và áp dụng công nghệ hiện đại.

Trang bị cho người học những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nền kinh tế nói chung và ngành tài chính nói riêng, cụ thể: (i) Kiến thức cơ bản về khối ngành kinh tế, cho phép sinh viên vận dụng các phân tích các chính sách kinh tế và hoạt động kinh doanh; (ii) Kiến thức chuyên sâu về quản lý tài chính doanh nghiệp hiện đại như kế toán quản trị, phân tích báo cáo tài chính, tham định dự án đầu tư,...; (iii) Kiến thức cơ bản và chuyên sâu về các lĩnh vực khác như ngân hàng, kế toán, thuế, đầu tư, bảo hiểm,...; (iv) Kiến thức chuyên môn về các vấn đề tài chính quốc tế, ảnh hưởng từ sự biến động các biến số kinh tế vĩ mô tới nền kinh tế nói chung và các hoạt động tài chính nói riêng; (v) Kiến thức cơ bản về chính sách quản lý tài chính công trong khu vực công.

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về giao dịch đại chúng, kiến thức căn bản về ngành Tài chính – Ngân hàng và kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Tài chính hoặc Ngân hàng để sinh viên có khả năng làm việc độc lập, tự chủ và sáng tạo trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, ngân hàng và các loại hình tổ chức kinh tế – xã hội khác.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo cử nhân đại học ngành Tài chính – Ngân hàng đáp ứng các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về môi hoạt động trong lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức thực đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.1. Mục tiêu chung

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

NGÀNH ĐÀO TẠO: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
MÃ SỐ: 7340201
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 658/QĐ-HWCSP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

a. Kỹ năng nghề nghiệp

2.2. Về kỹ năng

các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực tài chính. và tài trợ ngoài thương; tài chính công ty đa quốc gia. Danh giá, tổng hợp và giải quyết nghiệp; nguồn vốn và các công cụ huy động vốn của doanh nghiệp; thành toán quốc tế và tỷ suất sinh lời; đầu tư dài hạn và định giá tài sản; vốn kinh doanh của doanh nghiệp và tài chính đầu tư: Chi phí, doanh thu, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận; rủi ro [10] Hiểu, vận dụng và phân tích được kiến thức chuyên sâu về tài chính doanh bảo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh, kế toán doanh nghiệp.

[9] Năm vững và có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên sâu về phân tích tu tài chính, thuộc trong doanh nghiệp, thuộc và hệ thống thuế của Nhà nước, vv. tài chính doanh nghiệp, phân tích tài chính doanh nghiệp, quản trị rủi ro tài chính, đầu chính doanh nghiệp hiện đại, bao gồm các kiến thức và nghiệp vụ về kế toán, quản trị [8] Năm vững các kiến thức chuyên sâu về quản lý tài chính công, quản lý tài

2.1.2. Kiến thức chuyên sâu

chứng khoán, bảo hiểm.

hàng vào thực tiễn trong các hoạt động tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, đầu tư, [7] Có khả năng vận dụng các kiến thức căn bản về kinh tế, Tài chính - Ngân bảo hiểm, thuế, tài chính công, tài chính quốc tế...

hàng nói riêng như: Kiến thức về tài chính, tiền tệ, thị trường tài chính, chứng khoán, [6] Có kiến thức căn bản về nền kinh tế nói chung và ngành Tài chính - Ngân với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

[5] Năm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, tích cực ứng dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

[4] Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ [3] Năm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thông kê và kinh tế học pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

[2] Hiểu về thể chế Nhà nước, năm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa [1] Năm vững nhưng kiến thức cơ bản, nền tảng về thể giới quan và phương pháp

2.1.1. Kiến thức chung của ngành

2.1. Về kiến thức

2. CHUẨN ĐẦU RA

ng nghiệp, với công việc được giao.

Giúp cho sinh viên hiểu rõ và trau dồi phẩm chất đạo đức, tác phong của một cán bộ tài chính, ngân hàng; có ý thức trách nhiệm, nhiệt tình, tâm huyết và tự tin với nghề

[20] Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.

[19] Khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

[18] Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

[17] Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

[16] Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh

[15] Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điểu hành, khả năng tự học và nghiên cứu khoa học... dù năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

2.2.2. Kỹ năng mềm

chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư 03/3014/TT-BTTTT).
Office Specialist) bao gồm Word, Excel và PPT đạt tổng điểm tối thiểu 1400. Hoặc đạt + Tin học: Sinh viên cần đạt 2 trong 3 chứng chỉ tin học quốc tế MOS (Microsoft 45 TOEFL iBT; 4.5 IELTS)..

+ Ngoài ngữ: Đối với hệ đại học chuẩn (đại trà), sinh viên cần đạt chứng chỉ 450 TOEIC quốc tế hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (450 TOEFL ITP; thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

[14] Khả năng sử dụng Ngoại ngữ và tin học một cách hiệu quả để truyền đạt tài chính, quản trị rủi ro.

nước và quốc tế như kế toán, nguồn vốn, tín dụng, đầu tư, thanh toán quốc tế, đầu tư các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác trong Đối với chuyên ngành Ngân hàng: Có kỹ năng nghiệp vụ về các hoạt động của ngân hàng điển hình trong nước và quốc tế.

[13] Có kỹ năng về nghiệp vụ chuyên nghiệp trên một số hoạt động tài chính – để thực tế về kinh tế, tài chính, ngân hàng ở tầm vi mô và vĩ mô.

toán, khoa học tự nhiên và kiến thức của nhóm ngành tài chính để giải quyết các vấn đề thực tế về kinh tế, tài chính, ngân hàng ở tầm vi mô và vĩ mô.

[12] Có thể nhận thức các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức, kỹ năng thu thập thông tin dữ liệu, phân tích, tổng hợp, đánh giá, lập luận, vận dụng các kiến thức trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nơi chúng.

[11] Có kỹ năng tư duy chiến lược, tư duy quản trị, có thể nhận thức và phân tích các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức, để vận dụng linh hoạt vào các hoạt động

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIAO DỤC BÀI CƯƠNG (không bao gồm GDTC&QP)	41	15	32%
2. KIẾN THỨC GIAO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	87	28	68%
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	27	9	21,1%
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	18	6	14,1%
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	3	7,0%
2.2. Kiến thức ngành	29	10	22,6%
2.2.1. Ngành bắt buộc	20	7	15,6%
2.2.2. Ngành tự chọn	9	3	7,0%
2.3. Kiến thức chuyên ngành	21	7	16,4%
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	12	4	9,4%
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	3	7,0%
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	2	7,8%
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & QDP)	128	43	100%

9. Cấu trúc kiến thức của Chương trình đào tạo

8. Thang điểm:
Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm

4 và điểm chữ

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:
trình đào tạo
đủ số tín chỉ theo quy định của Chương

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy

chính quy

đục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ

Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo

128 tín chỉ

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

3,5 - 4 năm

4. Thời gian đào tạo:

10. Nội dung chương trình

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
1. Giáo dục đại cương				
1	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	1
2	THLB07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2
3	LUBC01	Pháp luật đại cương	3	1
4	TOBC06	Tin học đại cương	3	1
5	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
6	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1
7	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
8	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
9	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	2
10	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	3
11	KHMA02	Kinh tế vi mô 1	3	3
12	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3
13	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
14	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	4
15	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
2.--> Giáo dục quốc phòng				
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	1
3.--> Giáo dục thể chất				
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	1
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	2
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành				
1	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	3
2	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
3	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	4
4	TONL08	Nguyên lý thông kê kinh tế	3	4
5	CSCS11	Chính sách công	3	5
6	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	5
5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành				
1	ENQT09	Kinh tế quốc tế	3	5
2	QTMCO2	Marketing căn bản	3	5
3	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	5
4	QHDL07	Địa lý Kinh tế	3	2
5	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	4
6	KHDT05	Kinh tế đầu tư	3	5
6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành				
1	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	4
2	NHTM02	Ngân hàng thương mại	3	5
3	TCCO21	Quản lý tài chính công	3	5
4	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	5
5	TCKH04	Kế toán tài chính	3	6

Ghi chú: (*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

TỔNG SỐ (Không bao gồm TACB1, GDTC&GDQP)		128		
6	TCKK25	Thị trường chứng khoán	3	6
7	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	7
7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành		9		
1	QTCL13	Quản trị chiến lược	3	6
2	TCQT12	Tài chính quốc tế	3	6
3	TCTO10	Toán tài chính	3	6
4	TCTBH01	Bảo hiểm	3	6
8. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành		12		
1	TCKQ01	Kế toán quản trị	3	7
2	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	6
3	TCTH11	Thuế	3	6
4	TCDN22	Tài chính doanh nghiệp 2	3	7
9. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành		9		
1	BTPS01	Chứng khoán phái sinh	3	7
2	TCKT27	Kiểm toán tài chính	3	7
3	TCCCK06	Phân tích và Đầu tư chứng khoán	3	7
4	BTRR06	Quản trị rủi ro	3	7
5	TCDBG01	Định giá tài sản	3	7
6	TCTD17	Thâm định dự án đầu tư	3	7
10. Không tính điểm				
1	TACB01	Tiếng Anh cơ bản I*	3	1
11. Thực tập và Khoa luận tốt nghiệp		10		
1	KLTN	Khoa luận tốt nghiệp	6	8
2	TCTN02	Lý thuyết Tài chính tiền tệ nâng cao	3	8
3	TCTN01	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	8
4	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
TỔNG SỐ (Không bao gồm TACB1, GDTC&GDQP)		128		

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 658/QĐ-HWCSP.T ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

NGÂN HÀNG ĐÀO TẠO:
MÃ SỐ: 7340201
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH: NGÂN HÀNG
TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân đại học ngành Tài chính – Ngân hàng đáp ứng các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về môi hoạt động trong lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Trang bị cho sinh viên hệ thông kiến thức về giáo dục đại cương, kiến thức căn bản về ngành Tài chính – Ngân hàng và kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Tài chính hoặc Ngân hàng để sinh viên có khả năng làm việc độc lập, tự chủ và sáng tạo trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, ngân hàng và các loại hình tổ chức kinh tế – xã hội khác.

Trang bị cho người học những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nền kinh tế nơi chung và ngành tài chính nói riêng, cụ thể: (i) Kiến thức cơ bản về khối ngành kinh tế, cho phép sinh viên vận dụng các công cụ phân tích các chính sách kinh tế và hoạt động kinh doanh; (ii) Kiến thức chuyên sâu về quản lý tài chính doanh nghiệp hiện đại như kế toán quản trị, phân tích báo cáo tài chính, thẩm định dự án đầu tư,...; (iii) Kiến thức cơ bản và chuyên sâu về các lĩnh vực khác như ngân hàng, kế toán, thuế, đầu tư, bảo hiểm,...; (iv) Kiến thức chuyên môn về các vấn đề tài chính quốc tế, ảnh hưởng từ sự biến động các biến số kinh tế vĩ mô tới nền kinh tế nơi chung và các hoạt động tài chính nói riêng; (v) Kiến thức cơ bản về chính sách quản lý tài chính công trong khu vực công.

[2] Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

[1] Năm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thể giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.1. Kiến thức chung của ngành

2.1 Về kiến thức

2. Chuẩn đầu ra

lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

+ Độc lập thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, sản phẩm liên quan đến cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

+ Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành Tài chính - Ngân hàng với các tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

+ Có đủ điều kiện và khả năng tự nghiên cứu, phát triển trình độ kiến thức và

1.4. Khả năng học tập, năng cao trình độ sau khi ra trường

tế về sử dụng máy tính và tin học văn phòng do tổ chức Certiport của Mỹ cấp.
+ Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), đây là những chuẩn quốc tế về sử dụng máy tính và tin học văn phòng do tổ chức Certiport của Mỹ cấp.
+ Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Sử dụng tốt tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu, giao tiếp và soạn thảo báo cáo phân tích.

+ Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Sử dụng tốt tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu, giao tiếp và soạn thảo báo cáo phân tích.

1.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

nghiệp, với công việc được giao.
Giúp cho sinh viên hiểu rõ và trau dồi phẩm chất đạo đức, tác phong của một cán bộ tài chính, ngân hàng; có ý thức trách nhiệm, nhiệt tình, tâm huyết và tự tin với nghề nghiệp, với công việc được giao.
năng mềm khác... để trở thành một cán bộ tài chính, ngân hàng chuyên nghiệp, làm việc một cách có hiệu quả trong môi trường kinh doanh hội nhập quốc tế và áp dụng công nghệ hiện đại.

Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng chuyên môn, thực hành nghiệp vụ, kỹ năng phân tích, nghiên cứu, ứng dụng ngoại ngữ, tin học, các kỹ năng mềm khác... để trở thành một cán bộ tài chính, ngân hàng chuyên nghiệp, làm việc một cách có hiệu quả trong môi trường kinh doanh hội nhập quốc tế và áp dụng công nghệ hiện đại.

[12] Có thể nhận thức các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức, kỹ năng thu thập thông tin dữ liệu, phân tích, tổng hợp, đánh giá, lập luận, vận dụng các kiến thức toán,

trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nói chung.

[11] Có kỹ năng tư duy chiến lược, tư duy quản trị, có thể nhận thức và phân tích các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức, để vận dụng linh hoạt vào các hoạt động

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

2.2 Về kỹ năng:

định chính sách liên quan đến lĩnh vực ngân hàng.

[9] Vận dụng được các kiến thức lý thuyết và thực tiễn để biết cách đánh giá, lựa chọn các sản phẩm dịch vụ ngân hàng phù hợp, cũng như phân tích, ra quyết định và hoạch

tin dùng, thanh toán quốc tế, thẻ, ... và các hoạt động khác của ngân hàng.

[8] Nắm vững nguyên lý chung, cũng như kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành ngân hàng như: hệ thống các tổ chức tín dụng của Việt Nam, hoạt động của ngân hàng trung ương, hoạt động của các ngân hàng thương mại, cụ thể các hoạt động huy động vốn,

2.1.2. Kiến thức chuyên sâu

bảo hiểm.

[7] Có khả năng vận dụng các kiến thức căn bản về kinh tế, Tài chính - Ngân hàng vào thực tiễn trong các hoạt động tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, đầu tư, chứng khoán,

thuế, tài chính công, tài chính quốc tế...

[6] Có kiến thức căn bản về nền kinh tế nói chung và ngành Tài chính - Ngân hàng nói riêng như: Kiến thức về tài chính, tiền tệ, thị trường tài chính, chứng khoán, bảo hiểm,

thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

[5] Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự

vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

[4] Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng

để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

[3] Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thông kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực

[20] Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể. môn nghiệp vụ.

[19] Khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên [18] Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

tuan thu các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp. [17] Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội;

2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

[16] Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh. năng tự học và nghiên cứu khoa học... dù năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

[15] Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành, khả

2.2.2. Kỹ năng mềm

chúng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư 03/3014/TT-BTTTT). + Tin học: Sinh viên cần đạt 2 trong 3 chứng chỉ tin học quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) bao gồm Word, Excel và PPT đạt tổng điểm tối thiểu 1400. Hoặc đạt

45 TOEFL iBT; 4.5 IELTS). TOEIC quốc tế hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (450 TOEFL ITP;

+ Ngoại ngữ: Đối với hệ đại học chuẩn (đại tra), sinh viên cần đạt chứng chỉ 450 và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

[14] Khả năng sử dụng Ngoại ngữ và tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin quan trị rủi ro.

quốc tế như kế toán, nguồn vốn, tín dụng, đầu tư, thanh toán quốc tế, đầu tư tài chính, doanh nghiệp, tổ chức tài chính, ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác trong nước và Đối với chuyên ngành Ngân hàng: Có kỹ năng nghiệp vụ về các hoạt động của các

hàng điển hình trong nước và quốc tế. [13] Có kỹ năng về nghiệp vụ chuyên nghiệp trên một số hoạt động tài chính – ngân

tế về kinh tế, tài chính, ngân hàng ở tầm vi mô và vĩ mô. khoa học tự nhiên và kiến thức của nhóm ngành tài chính để giải quyết các vấn đề thực

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIAO DỤC ĐÀO TẠO (không bao gồm GDTC&QP)	41	15	32%
2. KIẾN THỨC GIAO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	87	28	68%
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	27	9	21.1%
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	18	6	14.1%
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	3	7.0%
2.2. Kiến thức ngành	29	10	22.6%
2.2.1. Ngành bắt buộc	20	7	15.6%
2.2.2. Ngành tự chọn	9	3	7.0%
2.3. Kiến thức chuyên ngành	21	7	16.4%
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	12	4	9.4%
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	3	7.0%
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	2	7.8%
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (không bao gồm GDTC & QP)	128	43	100%

9. Cấu trúc kiến thức của Chương trình đào tạo

4. Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm
5. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 128 tín chỉ
6. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
8. Thang điểm: Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

10. Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Ngân hàng

TT	Mã số	Tên học phần	Số Tin chỉ	Học kỳ
1		Giáo dục đại cương	41	32%
1	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	1
2	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	3
3	KHMA02	Kinh tế vi mô 1	3	3
4	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1
5	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
6	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
7	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3
8	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
9	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
10	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
11	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
12	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
13	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
14	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	4
15	THML04	Triết học Mác Lênin	3	2
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1
2		Giáo dục quốc phòng	8	
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	2
3		Giáo dục thể chất	6	
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	1
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	2
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
4		Cơ sở ngành (Bắt buộc)	18	14%
1	CSCS11	Chính sách công	3	5
2	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	3
3	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	4
5	TONL08	Nguyên lý thông kê kinh tế	3	4
6	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	5
5		Cơ sở ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)	9	7,0%
1	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	4
2	ĐNQTT09	Kinh tế quốc tế	3	5
3	QTMCO2	Marketing căn bản	3	5
4	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	5
5	QTVH12	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	3	5
6	KHBT05	Kinh tế đầu tư	3	4

Ghi chú: (*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ
6	Kiến thức ngành (Bắt buộc)		20	22%
1	TCKH04	Kế toán tài chính	3	6
2	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	5
3	NHTM02	Ngân hàng thương mại	3	5
4	TCCO21	Quản lý tài chính công	3	5
5	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	5
6	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	6
7	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	7
7	Kiến thức ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	7,0%
1	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	6
2	TCQT12	Tài chính quốc tế	3	6
3	TCTO10	Toán tài chính	3	6
4	TCBH01	Bảo hiểm	3	6
8	Chuyên ngành bắt buộc		12	9,0%
1	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	6
2	TCTD01	Thăm định tín dụng	3	7
3	TCKT05	Kế toán ngân hàng	3	6
4	TCTW01	Ngân hàng Trung ương	3	7
9	Chuyên ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	7,0%
1	QTM04	Marketing Ngân hàng	3	6
2	TCTH11	Thuế	3	7
3	BNTT01	Chứng khoán phái sinh	3	7
4	TCKT22	Kiểm toán tài chính	3	7
5	TCCK06	Phân tích và Đầu tư chứng khoán	3	7
6	TCTB17	Thăm định dự án đầu tư	3	7
7	TCBG01	Định giá tài sản	3	7
10	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10	7,8%
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
3	TCTN01	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	8
4	TCTN02	Lý thuyết tài chính tiền tệ nâng cao	3	8
TỔNG SỐ			128	